

CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 260/QĐ-SIU ngày 07 tháng 6 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tư thực Quốc tế Sài Gòn)

Ngành đào tạo:	(Tên tiếng Việt)	Quản trị kinh doanh
	(Tên tiếng Anh)	Business Administration
Chuyên ngành đào tạo:		Marketing Số
Trình độ đào tạo:		Đại học
Loại hình đào tạo:		Chính quy
Mã ngành:		7340101

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Programme Objectives - POs):

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo hướng đến đào tạo những cử nhân Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Marketing Số chuẩn quốc tế hàng đầu Việt Nam, có kiến thức lý thuyết sâu rộng, kiến thức thực tế vững chắc về marketing số; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Marketing Số trong nước và thế giới.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- **PO1:** Sinh viên thành thạo các kỹ năng tiếng Anh giao tiếp.
- **PO2:** Sinh viên hiểu và biết cách sử dụng dữ liệu và các thông tin liên quan để giải quyết vấn đề.
- **PO3:** Sinh viên biết cách đánh giá thông tin và đưa ra giải pháp cụ thể.
- **PO4:** Sinh viên hiểu được các giá trị đạo đức và trách nhiệm xã hội khi đưa ra các quyết định kinh doanh.
- **PO5:** Sinh viên tiếp thu được các khái niệm chính về kinh tế, marketing, kế toán, tài chính, quản lý và nhân sự.
- **PO6:** Sinh viên nâng cao được tinh thần làm việc nhóm thông qua hợp tác và cộng tác.
- **PO7:** Sinh viên học được các kỹ thuật và chiến lược đa dạng nhằm giải quyết các vấn đề kinh doanh.

2. Chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes - PLOs):

Nhóm các PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
Kiến thức	PLO1: Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, triết học, chính trị và pháp luật vào trong lĩnh vực marketing số và kinh doanh số. PLO2: Vận dụng kiến thức marketing số, Internet, thiết bị di động, phương tiện truyền thông xã hội để giải quyết các vấn đề trong công việc của các tổ chức. PLO3: Vận dụng kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát thực hiện kế hoạch; quản lý, điều hành hoạt động marketing số và kinh doanh số của các tổ chức. PLO4: Áp dụng kiến thức về công nghệ thông tin, ngoại ngữ vào trong công việc trong môi trường làm việc thay đổi nhanh chóng, đa dạng văn hóa và toàn cầu hóa.
Kỹ năng	PLO5: Phát hiện vấn đề phát sinh trong sản xuất, kinh doanh; phân tích, tổng hợp, đánh giá vấn đề và đưa ra giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề. PLO6: Thực hiện việc lập kế hoạch, đánh giá các phương án, phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường thay đổi. PLO7: Thực hiện việc truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ trong kinh doanh và quản trị. PLO8: Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện công việc của các thành viên trong nhóm. PLO9: Phát triển kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo ra việc làm cho mình và cho người khác. PLO10: Sử dụng thành thạo tiếng Anh và tin học trong hoạt động chuyên môn, nghiên cứu và cuộc sống; Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.
Mức tự chủ và trách nhiệm	PLO11: Thực hiện làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện kinh doanh thay đổi; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. PLO12: Tổ chức việc hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. PLO13: Thực hiện việc tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

Nhóm các PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
	PLO14: Thực hiện việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

3. Phương pháp dạy và học:

- **Thuyết giảng:** là cách thức người dạy truyền thụ kiến thức, kỹ năng cho người học thông qua lời nói và các hình ảnh, mô hình phụ trợ để trình bày, giải thích, làm sáng tỏ nội dung bài học. Thuyết giảng cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.
- **Thuyết trình:** Người học làm việc theo nhóm và cần hoàn thành một công việc nhất định và thuyết trình kết quả công việc để người dạy và các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, chất vấn, đánh giá. Thông qua việc thuyết trình giúp sinh viên hiểu rõ về kiến thức môn học đồng thời rèn luyện các kỹ năng mềm hỗ trợ cho công việc sau này như: tự nghiên cứu, làm việc nhóm, soạn tài liệu trình chiếu, thuyết trình trước đám đông.
- **Thảo luận:** Người dạy đưa ra câu hỏi, chủ đề kích thích suy nghĩ hoặc thảo luận cho cả lớp hoặc theo nhóm nhỏ. Người học suy nghĩ, thảo luận, trình bày trong khi người dạy và người học khác lắng nghe, nhận xét, chất vấn. Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.
- **Bài tập:** Người học được yêu cầu áp dụng những kiến thức đã học để giải quyết các tình huống thực tế, vấn đề thực tế. Việc thực hiện bài tập giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.
- **Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo:** Tài liệu giảng dạy, tham khảo là công cụ mà người dạy sử dụng để thu hút người học tham gia học tập. Tài liệu học tập bao gồm sách giáo trình, sách bài tập, phần mềm, ứng dụng, trò chơi, video, sách tham khảo, sách chuyên khảo... Người dạy có thể yêu cầu người học đọc tài liệu trước và sau buổi học. Việc đọc tài liệu giúp sinh viên nắm vững nội dung bài học và tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.
- **Làm dự án, sự kiện thực tế:** Người học/nhóm người học được yêu cầu hoàn thành một dự án, sự kiện thực tế phù hợp trong một khoảng thời gian nhất định. Người học có thể cần phải tiến hành nghiên cứu sâu rộng bằng nhiều cách thức khác nhau. Thông qua dự án, sự kiện thực tế người học có thể học các nội dung học thuật quan trọng, phát triển các kỹ năng mềm như giao tiếp, tư duy phản biện, tạo ra các sản phẩm, báo cáo có chất lượng và có độ tin cậy.

Các phương pháp dạy và học nói trên giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra (PLOs), thể hiện trong bảng sau:

Phương pháp dạy và học	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Thuyết giảng	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thuyết trình	x	x			x	x	x	x			x	x	x	x

Phương pháp dạy và học	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Thảo luận	x	x			x	x	x				x		x	
Bài tập	x	x	x	x	x			x		x	x		x	
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	x		x	x						x	x		x	
Làm dự án, sự kiện thực tế	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

4. Phương pháp đánh giá:

Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
Quá trình	- Chuyên cần hoặc tham gia hoạt động tại lớp. - Bài kiểm tra cá nhân hoặc nhóm.	20%
Giữa kỳ	Bài kiểm tra trên lớp (lý thuyết, trắc nghiệm) hoặc thi vấn đáp hoặc bài tiểu luận hoặc bài tập lớp hoặc thực hành.	30%
Kết thúc học phần	Bài thi (tự luận, trắc nghiệm) hoặc thi vấn đáp hoặc làm đồ án (dự án, sự kiện,) môn học.	50%

Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLOs thể hiện trong bảng sau:

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
<i>1. Đánh giá quá trình</i>														
Chuyên cần hoặc tham gia hoạt động tại lớp	x	x	x		x	x					x		x	
Bài kiểm tra cá nhân hoặc nhóm		x		x		x	x	x	x	x		x		x
<i>2. Đánh giá giữa kỳ</i>														
Tiểu luận, bài tập, thực hành	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x		x	x
Kiểm tra trên lớp	x	x	x	x	x	x	x			x	x		x	x
Thi vấn đáp	x	x	x	x	x	x	x			x	x		x	x
<i>3. Tổng kết cuối kỳ</i>														
Bài thi tự luận, trắc nghiệm	x	x	x	x	x	x	x			x	x		x	x
Thi vấn đáp	x	x	x	x	x	x	x			x	x		x	x
Làm đồ án môn học	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

5. Nội dung chương trình giảng dạy:

5.1. Các khối kiến thức:

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỉ lệ %
1. Kiến thức giáo dục đại cương		50	41,67%
1.1.	Lý luận chính trị	11	
1.2.	Khoa học	11	
1.3.	Ngoại ngữ	13	
1.4.	Tin học	6	
1.5.	Văn hóa	9	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		60	50,00%
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	27	
2.2.	Kiến thức chuyên ngành	33	
3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10	8,33%
3.1.	Thực tập tốt nghiệp	3	
3.2.	Khóa luận tốt nghiệp	7	
Tổng cộng:		120	100%

5.2. Nội dung chi tiết:

STT	Mã học phần	Tên học phần		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				50					
I.1. Lý luận chính trị				11					
I.1.01	2GEN0011	Triết học Mác - Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	3	45	0	0	105	
I.1.02	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	2	30	0	0	70	
I.1.03	2GEN0013	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30	0	0	70	
I.1.04	2GEN0007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	2	30	0	0	70	
I.1.05	2GEN0014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	30	0	0	70	
I.2. Khoa học				11					

STT	Mã học phần	Tên học phần		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
I.2.01	2GEN0008	Pháp luật đại cương	General Laws	2	30	0	0	70	
I.2.02	2SOC31494	Toán cao cấp	Advanced Mathematics	3	45	0	0	105	
I.2.03	2BUS21440	Xác suất và thống kê	Probability & Statistics	3	45	0	0	105	2SOC11494
I.2.04	2BUS32201	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Business Research Methods	3	45	0	0	105	
I.3. Ngoại ngữ				13					
I.3.01	2LAN22404	English Proficiency 1	English Proficiency 1	4	30	60	0	110	
I.3.02	2LAN22505	English Proficiency 2	English Proficiency 2	4	30	60	0	110	2LAN22404
I.3.03	2LAN22606	English Proficiency 3	English Proficiency 3	5	60	30	0	160	2LAN22505
I.4. Tin học				6					
I.4.01	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh	Image Processing Tools	2	15	30	0	55	
I.4.02	2GEN2097	Công cụ Quản lý dự án	Project Management Tools	2	15	30	0	55	
I.4.03	2GEN3098	Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu	Data Analytics and Visualization Tools	2	15	30	0	55	
I.5. Văn hoá				9					
Bắt buộc				6					
I.5.01	2ENG11491	Viết luận Anh	English Composition (*)	3	45	0	0	105	
I.5.02	2SOC11490	Văn hóa Mỹ	American Culture (*)	3	45	0	0	105	
Tự chọn (03 tín chỉ)				3					
I.5.03.01	2ENG11492	Viết văn Anh	English Expository Writing (*)	3	45	0	0	105	
I.5.03.02	2ENG11405	Tiểu thuyết Anh thế kỷ 20	20 th Century British Novels	3	45	0	0	105	
I.5.03.03	2ENG12402	Văn học và Shakespeare	Shakespeare & Literature	3	45	0	0	105	
II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				60					
II.1. Kiến thức cơ sở ngành				27					
II.1.01	2BUS11407	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	45	0	0	105	
II.1.02	2BUS11408	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	45	0	0	105	2BUS11407

STT	Mã học phần	Tên học phần		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
II.1.03	2BUS12426	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	3	45	0	0	105	
II.1.04	2BUS12408	Kinh tế lượng	Econometrics	3	45	0	0	105	2BUS12440
II.1.05	2BUS11403	Marketing căn bản	Principles of Marketing	3	45	0	0	105	
II.1.06	2BUS21416	Quản trị học	Fundamentals of Management	3	45	0	0	105	
II.1.07	2BUS12417	Quản trị nguồn nhân lực	Human Resource Management	3	45	0	0	105	2BUS21416
II.1.08	2BUS12412	Quản trị tài chính	Financial Management	3	45	0	0	105	
II.1.09	2BUS13408	Quản trị chiến lược	Strategic Management	3	45	0	0	105	2BUS12417
II.2. Kiến thức chuyên ngành				33					
Bắt buộc				27					
II.2.01	2BUS12334	Chiến lược và chính sách marketing	Marketing Strategy and Policy	3	45	0	0	105	
II.2.02	2BUS33301	Tiếp thị nội dung (*)	Content Marketing	3	45	0	0	105	2BUS11403
II.2.03	2BUS11485	Quan hệ công chúng và tổ chức sự kiện	Public Relations & Event Management	3	45	0	0	105	2BUS4313
II.2.04	2BUS12336	Nghiên cứu về Marketing	Marketing Research	3	45	0	0	105	2BUS43301
II.2.05	2BUS14322	Nghiệp vụ bán hàng	Professional Selling	2	15	30	0	55	
II.2.06	2BUS5314	Hành vi khách hàng (*)	Customer Behavior	3	45	0	0	105	
II.2.07	2BUS24314	Marketing Số (*)	Digital Marketing	3	45	0	0	105	
II.2.08	2BUS4315	Tiếp thị truyền thông xã hội và điện thoại	Social media & Mobile Marketing	3	45	0	0	105	2BUS14314
II.2.09	2BUS45321	Tích hợp tiếp thị truyền thông	Integrated Marketing Communications-IMC	2	15	30	0	55	2BUS4315
II.2.10	2BUS43302	Phân tích dữ liệu	Data Analytics	2	15	30	0	55	
Tự chọn (chọn 6 tín chỉ)				6					
II.2.11.01	2BUS4361	Thương mại điện tử	E-Commerce	3	45	0	0	105	
II.2.11.03	2BUS13426	Quản trị chuỗi cung ứng	Supply Chain Management	3	45	0	0	105	
II.2.11.03	2BUS4350	Quản trị chất lượng	Quality Management	3	45	0	0	105	
II.2.11.04	2BUS4351	Luật sở hữu trí tuệ	Intellectual Property Law	3	45	0	0	105	

STT	Mã học phần	Tên học phần		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
II.2.11.05	2BUS14320	Luật thương mại quốc tế	International Commercial Law	3	45	0	0	105	2GEN0008
II.3. Thực tập và khoá luận tốt nghiệp				10					
II.3.01	2CTS8331	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	3					
II.3.02	2CTS8749	Khoá luận tốt nghiệp	Graduation Thesis	7					
III. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, GIÁO DỤC THỂ CHẤT				16					
Bắt buộc, không tích lũy				16					
III.1	2GEN0002	Giáo dục thể chất	Physical Education	5	0	150	0	100	
III.2	2GEN0001	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	National Defense and Security Education	11					

Ghi chú: (*) Các môn dạy bằng tiếng Anh

Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 35 giờ tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 20 giờ tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

Một giờ học được tính bằng 50 phút.

6. Ma trận đáp ứng của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra:

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG														
Lý luận chính trị	M						I					R		
Triết học Mác – Lênin Philosophy of Marxism and Leninism	M						I					R		
Kinh tế chính trị Mác – Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	M						I					R		
Chủ nghĩa Xã hội khoa học Scientific Socialism	M						I					R		
Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Thought	R						I					R		
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of the Communist Party of Vietnam	R						I					R		
Khoa học	M	R	R	M	R	R	I	I		R	I	R	R	R

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
Pháp luật đại cương General Laws	M						I					R		
Toán cao cấp Advanced Mathematics	M						I					R		
Xác suất và thống kê Probability & Statistics	M	R	R	M	R	R		R			I		R	R
Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh Business Research Methods	R	R	R		M	R		I		R		R	M	M
Ngoại ngữ			R	M	R	R	R			M	R		R	R
English Proficiency 1			R	M	R	R	R			M	R		R	R
English Proficiency 2			R	M	R	R	R			M	R		R	R
English Proficiency 3			R	M	R	R	R			M	R		R	R
Tin học	R			M	R	R		R		M			R	R
Công cụ xử lý hình ảnh Image Processing Tools	R			M	R	R		R		M			R	R
Công cụ Quản lý dự án Project Management Tools	R			M	R	R		R		M			R	R
Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu Data Analytics and Visualization Tools	R			M	R	R		R		M			R	R
Văn hoá			R	M	R	R	R			M	R		R	R
Bắt buộc														
Viết luận Anh English Composition			R	M	R	R	R			M	R		R	R
Văn hóa Mỹ American Culture			R	M	R	R	R			M	R		R	R
Tự chọn														
Viết văn Anh English Expository Writing			R	M	R	R	R			M	R		R	R
Tiểu thuyết Anh thế kỷ 20 20th Century British Novels			R	M	R	R	R			M	R		R	R
Văn học và Shakespeare Shakespeare & Literature			R	M	R	R	R			M	R		R	R
KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP														
Kiến thức cơ sở ngành	R	M	R		R	R	R	M	R	R	R	R	R	R
Kinh tế vi mô Microeconomics	R	R	R		R	R			I				R	R
Kinh tế vĩ mô Macroeconomics	R	R	R		R	R			I				R	R
Nguyên lý kế toán Principles of Accounting		R			R	R							R	R
Kinh tế lượng Econometrics		R	R		R	R							R	R

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
Marketing căn bản Principles of Marketing		M	R		R	R	R			R			R	R
Quản trị học Fundamentals of Management		M	M, A		R	R, A	R	M	M		M			R
Quản trị nguồn nhân lực Human Resource Management		M	M				R	M, A	R		R			R
Quản trị tài chính Financial Management		M	M		R	R			M				R	R
Quản trị chiến lược Strategic Management		R	R		R	R			M			R	R	R
Kiến thức chuyên ngành		M	M	M	M	M	M	M	M	M	R	R	R	R
<i>Bắt buộc</i>														
Chiến lược và chính sách marketing Marketing Strategy and Policy		R	R		R	R			M			R	R	R
Tiếp thị nội dung Content Marketing		M	M, A	R	M, A	M, A	M	M	M	R	R	R	R	R
Quan hệ công chúng và tổ chức sự kiện Public Relations & Event Management		M	R, A		R	R	M				R		R	R
Nghiên cứu về Marketing Marketing Research		M	M, A	R	M, A	M, A	M	M	M	R	R	R	R	R
Nghệp vụ bán hàng Professional Selling		M	M, A	R	M, A	M, A	M	M	M	M	R	R	R	R
Hành vi khách hàng Customer Behavior		M	M, A	R	M, A	M, A	M	M	M	R	R	R	R	R
Marketing Số Digital Marketing		M	M, A	M	M, A	M, A	M	M	M, A	M	M	M	R	R
Tiếp thị truyền thông xã hội và điện thoại Social Media & Mobile Marketing		M	M	M	M	M	M	R	R	M	R	R	R	R
Tích hợp tiếp thị truyền thông Integrated Marketing Communications-IMC		M	M	M	M	M	M	R	R	M	R	R	R	R
Phân tích dữ liệu Data Analytics		R	R	M	M	M		M		M			R	R
<i>Tự chọn</i>														
Thương mại điện tử E-Commerce		R	M	M	M	M	R	M	M, A	M	M	R	R	R
Quản trị chuỗi cung ứng Supply Chain management	R	R	R		I				I				I	
Quản trị chất lượng Quality Management	M	M	M	R	R	R			I				R	
Luật sở hữu trí tuệ	M	I	I		I	I						R		

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
Intellectual Property Law														
Luật thương mại quốc tế International Commercial Law	R	R				R					R	R		
Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A
Thực tập tốt nghiệp Graduation Internship	R, A	R, A	R, A	R, A	M, A	R, A	R, A	I, A	M, A	M, A	R, A	M, A	R, A	R, A
Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A	M, A
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, GIÁO DỤC THỂ CHẤT														
Bắt buộc, không tích lũy														
Giáo dục Quốc Phòng và An ninh National Defense and Security Education	M											M		
Giáo dục thể chất Physical Education	R											R		

Ghi chú: Đánh giá mức độ đóng góp, hỗ trợ của các học phần vào việc đạt được các PLO theo một trong ba mức: **I** (Introduced), **R** ((Reinforced), **M** (Mastery):

- **Mức I (Introduced):** Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt đầu;
- **Mức R (Reinforced):** Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức nâng cao hơn mức giới thiệu/bắt đầu. Ở học phần này, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế ...;
- **Mức M (Mastery):** Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học đạt được PLO ở mức thành thực/thành thạo;

Học phần cốt lõi - A (Assessed): Học phần bắt buộc hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO. Đây là học phần có ý nghĩa tiên quyết đối với ngành đào tạo chính trong một chương trình, cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức người học đạt được PLO. Trong bảng ma trận, học phần cốt lõi được ký hiệu M,A hoặc R,A hoặc I,A.

7. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
Học kỳ 1								
1	2BUS11407	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	45	0	0	105	
2	2SOC31494	Toán cao cấp <i>Advanced Mathematics</i>	3	45	0	0	105	
3	2BUS11403	Marketing căn bản <i>Principles of Marketing</i>	3	45	0	0	105	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
4	2BUS21416	Quản trị học <i>Fundamentals of Management</i>	3	45	0	0	105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK1			12					
Tổng số tín chỉ HK1			12					
Học kỳ 2								
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 1 <i>Physical Education 1</i>	1	0	30	0	20	Không tích lũy
2	2BUS21440	Xác suất và thống kê <i>Probability & Statistics</i>	3	45	0	0	105	
3	2BUS12417	Quản trị nguồn nhân lực <i>Human Resource Management</i>	3	45	0	0	105	
4	2BUS11408	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	45	0	0	105	
5	2BUS14322	Nghiệp vụ bán hàng <i>Professional Selling</i>	2	15	30	0	55	
6	2BUS33301	Tiếp thị nội dung <i>Content Marketing</i>	3	45	0	0	105	Môn học bằng tiếng Anh
7	2BUS43302	Phân tích dữ liệu <i>Data Analytics</i>	2	15	30	0	55	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK2			16					
Tổng số tín chỉ HK2			17					
Học kỳ hè năm 1								
1	2GEN0001	Giáo dục Quốc phòng và An ninh <i>National Defense and Security Education</i>	11					Không tích lũy
2	2GEN0011	Triết học Mác - Lênin <i>Philosophy of Marxism and Leninism</i>	3	45	0	0	105	
3	2GEN0008	Pháp luật đại cương <i>General Laws</i>	2	30	0	0	70	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK hè năm 1			5					
Tổng số tín chỉ HK hè năm 1			16					
Học kỳ 3								
1	2LAN22404	English Proficiency 1	4	30	60	0	105	
2	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh <i>Image Processing Tools</i>	2	15	30	0	55	
3	2BUS12408	Kinh tế lượng <i>Econometrics</i>	3	45	0	0	105	
4	2BUS13408	Quản trị chiến lược <i>Strategic Management</i>	3	45	0	0	105	
5	2BUS12336	Nghiên cứu về Marketing <i>Marketing Research</i>	3	45	0	0	105	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
6	Môn tự chọn (chọn 06 tín chỉ)							
6.1	2BUS13426	Quản trị chuỗi cung ứng Supply Chain Management	3	45	0	0	105	
6.2	2BUS4350	Quản trị chất lượng Quality Management	3	45	0	0	105	
6.3	2BUS4351	Luật sở hữu trí tuệ Intellectual Property Law	3	45	0	0	105	
6.4	2BUS4361	Thương mại điện tử E-Commerce	3	45	0	0	105	
6.5	2BUS14320	Luật thương mại quốc tế International Commercial Law	3	45	0	0	105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK3			21					
Tổng số tín chỉ HK3			21					
Học kỳ 4								
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 2 Physical Education 2	1	0	30	0	20	Không tích lũy
2	2LAN22505	English Proficiency 2	4	30	60	0	110	
3	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác – Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	2	30	0	0	70	
4	2GEN2097	Công cụ Quản lý dự án Project Management Tools	2	15	30	0	55	
5	2BUS12426	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	3	45	0	0	105	
6	2BUS24314	Marketing số Digital Marketing	3	45	0	0	105	Môn học bằng tiếng Anh
7	2BUS5314	Hành vi khách hàng Customer Behavior	3	45	0	0	105	Môn học bằng tiếng Anh
Tổng số tín chỉ tích lũy HK4			17					
Tổng số tín chỉ HK4			18					
Học kỳ 5								
1	2GEN0002	Giáo dục thể chất 3 Physical Education 3	1	0	30	0	20	Không tích lũy
2	2LAN22606	English Proficiency 3	5	60	30	0	160	
3	2BUS12412	Quản trị tài chính Financial Management	3	45	0	0	105	
4	2BUS4315	Tiếp thị truyền thông xã hội và điện thoại Social Media & Mobile Marketing	3	45	0	0	105	
5	2BUS12334	Chiến lược và chính sách marketing Marketing Strategy and Policy	3	45	0	0	105	

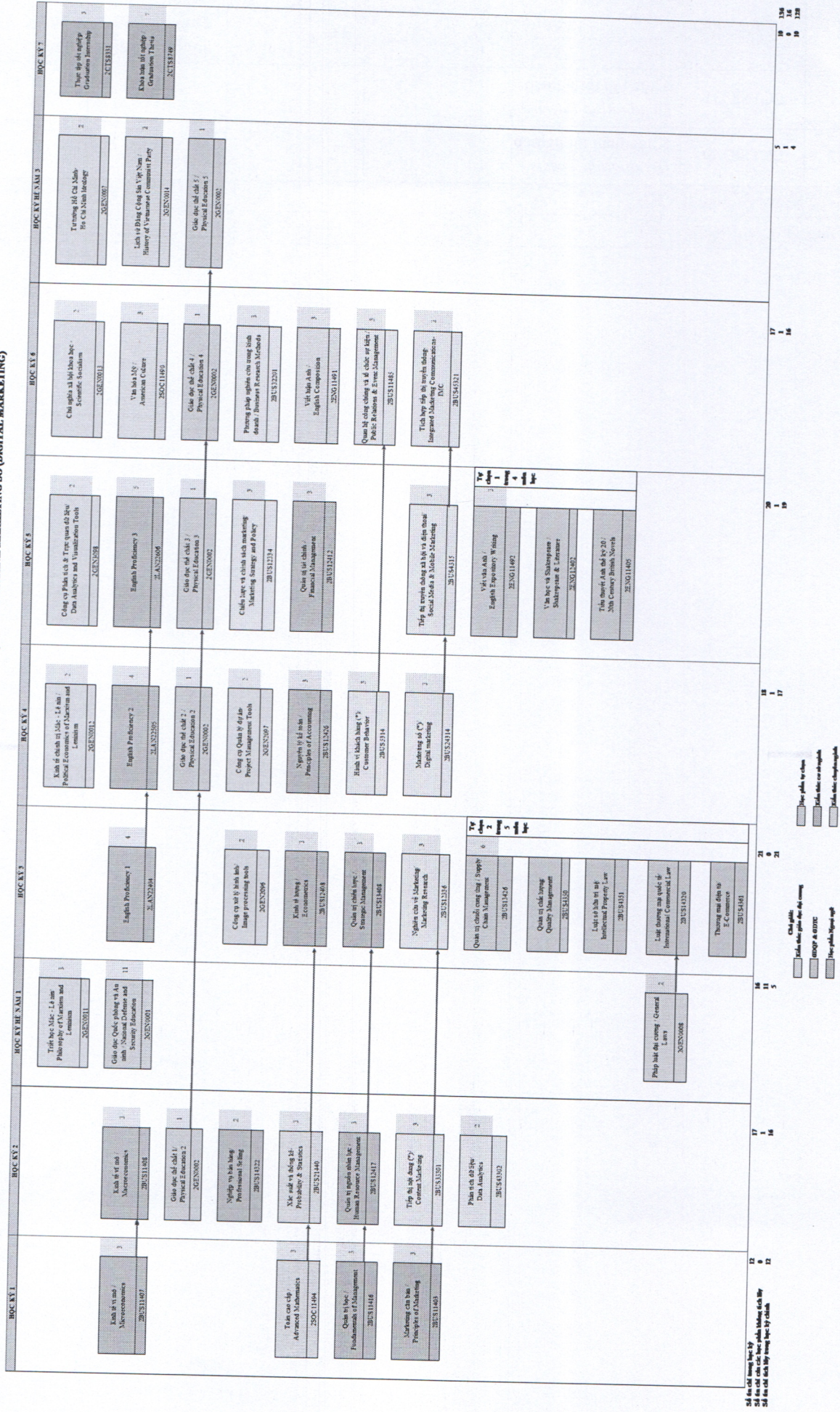
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
6	2GEN3098	Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu <i>Data Analytics and Visualization Tools</i>	2	15	30	0	55	
7	Môn tự chọn (Chọn 03 tín chỉ)							
7.1	2ENG11492	Viết văn Anh <i>English Expository Writing</i>	3	45	0	0	105	Môn học bằng tiếng Anh
7.2	2ENG12402	Văn học và Shakespeare <i>Shakespeare & Literature</i>	3	45	0	0	105	
7.3	2ENG11405	Tiểu thuyết Anh thế kỷ 20 <i>20th Century British Novels</i>	3	45	0	0	105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK5			19					
Tổng số tín chỉ HK5			20					
Học kỳ 6								
1	2GEN0013	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	30	0	0	70	
2	2GEN0002	Giáo dục thể chất 4 <i>Physical Education 4</i>	1	0	30	0	20	Không tích lũy
3	2BUS32201	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh <i>Business Research Methods</i>	3	45	0	0	105	
4	2ENG11491	Viết luận Anh <i>English Composition</i>	3	45	0	0	105	Môn học bằng tiếng Anh
5	2SOC11490	Văn hóa Mỹ <i>American Culture</i>	3	45	0	0	105	Môn học bằng tiếng Anh
6	2BUS11485	Quan hệ công chúng và tổ chức sự kiện <i>Public Relations & Event Management</i>	3	45	0	0	105	
7	2BUS45321	Tích hợp tiếp thị truyền thông <i>Integrated Marketing Communications-IMC</i>	2	15	30	0	55	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK6			16					
Tổng số tín chỉ HK6			17					
Học kỳ hè năm 3								
1	2GEN0014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	30	0	0	70	
2	2GEN0007	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Thought</i>	2	30	0	0	70	
3	2GEN0002	Giáo dục thể chất 5 <i>Physical Education 5</i>	1	0	30	0	20	Không tích lũy
Tổng số tín chỉ tích lũy HK hè năm 3			4					
Tổng số tín chỉ HK hè năm 3			5					
Học kỳ 7								

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
1	2CTS8331	Thực tập tốt nghiệp <i>Graduation Internship</i>	3					
2	2CTS8749	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	7					
Tổng số tín chỉ tích lũy HK7			10					
Tổng số tín chỉ HK7			10					

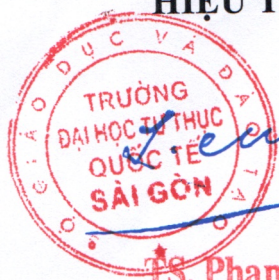
8. Sơ đồ chương trình giảng dạy



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY CHUYÊN NGÀNH MARKETING SỐ (DIGITAL MARKETING)



HIỆU TRƯỞNG



TS. Phạm Quý Ty

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Nguyễn Tất Viễn